



BỒ ĐỀ HẢI

Vạn Phật Thánh Thành

No. 66, Summer 2005

800 Sacramento St., San Francisco, CA 94108

Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

Vậy người hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

Kinh Pháp Cú
(Phẩm Cầu Ưế)

Đọc Trong Số Này

Khai Thị:

Cha Đại Từ Bi - Mẹ Đại Từ Bi.

Kỷ Niệm 10 năm Hòa Thượng viên tịch:

Chánh Pháp Là Gì?

Niềm Hân Diện.

HT Hu Văn Họa Truyện: #39. Kim Sơn Giang Thiên Thiền Tự.

Phát Hành

Dharma Realm Buddhist Association

www.bodehai.net

www.chuavanphat.org

Cha Đại Từ Bi - Mẹ Đại Từ Bi

Ven. Master Hsuan Hua

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát tinh tấn nhất, siêng năng nhất, và không hề muốn nghỉ ngơi. Ngài sẵn lòng suốt ngày cứu độ chúng sanh, chẳng nề hà công việc nhiều vất vả, cũng chẳng quản ngại chúng sanh lắm khổ nạn; cho nên có thể nói rằng Ngài là vị Bồ Tát bận rộn nhất. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lười biếng, thích nghỉ ngơi nhàn nhã, mà là một vị Bồ Tát chăm chỉ, cần mẫn nhất. Bởi một cánh tay thì cứu được quá ít người, hai cánh tay thì số người cứu được cũng còn giới hạn; do đó, Ngài muốn có ngàn tay ngàn mắt—một ngàn cánh tay để cứu vớt và một ngàn con mắt để chiếu

cổ tất cả chúng sanh trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Các chúng sanh mà Ngài chiếu cố đều là những chúng sanh gánh chịu nhiều đau khổ, và các chúng sanh mà Ngài cứu độ là những chúng sanh gặp phải tai ương, hoạn nạn.

Chữ “Quán” trong “Quán Thế Âm Bồ Tát” có nghĩa là quán sát, theo dõi. Quán sát cái gì? Quán sát thế giới này. Quán sát cái gì ở thế giới này? Quán sát âm thanh của thế giới này. “Quán” chính là trí huệ năng quán, tức là chủ thể trí huệ quán sát. “Thế” là cảnh giới sở quán—đối tượng, cảnh giới được quán sát—và đó chính là tất cả chúng sanh trong thế giới này.

Chúng sanh lúc khốn khổ

gian nan thì thường nghĩ đến ai? Nghĩ đến người cha đại từ bi, nghĩ đến người mẹ đại từ bi. Người cha đại từ bi ấy là ai? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Người mẹ đại từ bi ấy là ai? Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhớ nghĩ đến Ngài rồi thì sao? Họ liền niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát...” Họ vừa niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát,” thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền dùng ngàn mắt trí huệ để nhìn, dùng tai trí huệ để lắng nghe, rồi dùng tay trí huệ để cứu vớt họ.

Chúng sanh có tai nạn khổ ách không phải lúc nào cũng lẻ tẻ, lần lượt từng người một. Nếu trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời lâm nạn, tức là sẽ có trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời cầu cứu, xưng niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát”; thì Đức Quán Thế Âm sẽ đồng thời cứu vớt và tất cả đều sẽ đồng thời được giải thoát, đồng thời được an vui. Vì thế, Bồ Tát Quán Thế Âm được gọi là “Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát.”

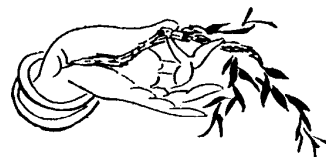
Bồ Tát luôn cứu giúp người. Nếu quý vị cứu giúp người, quý vị chính là Bồ tát; nếu tôi cứu giúp người, tôi cũng là Bồ tát. Nếu quý vị không cứu giúp người thì quý vị chính là la-sát; và nếu tôi không cứu giúp người, tôi cũng là la-sát. Quỷ la-sát và Bồ Tát Quán Thế Âm mới nhìn dung mạo bề ngoài tưởng chừng như không khác nhau là bao, nhưng sự thật lại hoàn toàn tương phản! La-sát quỷ nữ rất xinh đẹp, song cũng rất ích kỷ, chỉ biết mưu lợi cho mình mà thôi. Điểm khác biệt chính là một bên thì chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người; còn một bên thì chỉ biết lợi người mà không màng đến lợi mình. Cho nên, tướng mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát rất viên mãn, dung mạo của la-sát nữ cũng chẳng kém ai, nhưng do tâm địa bất đồng, một niệm sai biệt, mà thành ra khác nhau vậy!

Thế nên, nếu quý vị muốn học Quán Thế Âm Bồ Tát thì quý vị phải đi cứu người giúp đỡ, lợi ích quần sanh. Có người nói: “Tôi không có khả năng gì cả—thứ nhất, tôi không có tiền; thứ hai, tôi không biết thuyết giảng Phật pháp, không khéo ăn nói. Vậy thì tôi làm sao mang lại lợi ích cho nhân loại được?”

Tôi bảo cho quý vị biết: Quý vị có “miệng từ bi, lưỡi phương tiện.” “Miệng từ bi” tức là có lòng nhân từ, không chửi mắng người khác. “Lưỡi phương tiện” tức là dùng căn lưỡi của mình làm phương tiện, chứ không phải để nói chuyện thị phi. Ví như có xảy ra sự xích mích gì đó, mà quý vị, bằng phương tiện quyền xảo giảng nói, làm cho đôi bên được hòa giải, hoặc bằng lời lẽ khéo léo mà hóa giải được các tranh chấp trên thế gian, dập tắt được hiểm họa chiến tranh thế giới—đó là quý vị dùng “lưỡi phương tiện” vậy. Có câu:

*“Miệng từ bi, lưỡi phương tiện,
Có tiền, không tiền đều tạo đức được.”*

Có tiền hay không có tiền đều có thể tạo được công đức như nhau. Đương nhiên có tiền thì cũng có tốt hơn đôi chút, nhưng nếu quý vị không có tiền thì bất tất phải lo buồn, cũng chẳng nên nghĩ: “Tôi nghèo quá, làm sao làm việc phước đức được?” Làm việc công đức cốt là để cho quý vị nuôi dưỡng lòng hảo tâm, biết làm việc từ thiện, và làm một con người tốt.



Thường Xuyên Niệm Phật, Quốc Thái Dân An

(Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng tại Đài Kỷ Niệm Trung Chánh ở Đài Bắc, Đài Loan, nhân Đại Hội Toàn Dân Niệm Phật Cầu Phước Tiêu Tai được tổ chức vào ngày 15 tháng 9 năm 1990.)

Qúy vị Thiện Tri Thức!

Những lời khen tặng vừa rồi của cư sĩ họ Du (You ju shi), Tuyên Hóa tôi nghe qua thật lấy làm hổ thẹn, chẳng dám nhận lãnh.

Tôi ra hải ngoại là đến Mỹ Quốc. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, tôi từ Đông Bắc bôn ba vào đến nội địa, và rời Đông Bắc rồi thì không thể trở về được nữa. (Mỗi lần tôi rời khỏi một nơi nào thì sau đó đều không thể về lại được nữa!) Và từng bước từng bước, đến năm 1949 thì tôi tới Hương Cảng; rồi sau đó sang sống ở Thái Lan ngót nửa năm.

Ban đầu, tôi lưu lại Hương Cảng có hơn mười năm. Lúc ấy, Hương Cảng thường gặp phải nạn cuồng phong gió bão. Bấy giờ, những tùng, trúc, đu đủ cùng các loại cỏ hoa cây cối khác mà tôi trồng ở thôn Mã Sơn không phải là ít, nhưng chỉ một trận cuồng phong thổi qua là bao nhiêu cây cối cỏ hoa đều chết rạp cả.

Khi đó, trong lòng tôi cảm thấy không vui; không vui đối với ai? Không vui đối với ông Trời! Cũng chỉ vì không vui mà tôi đã có một hành vi ngu xuẩn—tôi bước ra sân và chỉ tay lên trời mà nói rằng: “Hỡi Ngọc Hoàng Đại Đế! Nếu Ngài biết là sẽ có nạn cuồng phong, tôi hy vọng rằng trong lúc tôi còn ở Hương Cảng, thì nơi này sẽ không gặp cuồng phong nữa; nếu lại có cuồng phong kéo tới, thì tôi thật không khách sáo với Ngài đâu!” Chẳng rõ là ông Trời có sợ tôi hay không, song từ đó

về sau, trong suốt hơn mười mấy năm tôi sống ở Hương Cảng, mỗi lần đài khí tượng thông báo có cuồng phong kéo tới, thì cứ còn cách cảng chừng mười lăm hoặc hai mươi dặm là gió chuyển hướng, thổi chéch sang một bên. Trong hơn mười mấy năm tôi ở Hương Cảng đều như thế cả—không có cuồng phong xảy ra, có chăng là mưa dầm, có gió nhẹ hoặc là mưa rào mà thôi.

Mãi cho tới khoảng năm 1960, tôi sang Úc châu một tháng, thì Hương Cảng lại bị cuồng phong tàn phá gió bão thổi tung bảng hiệu của các tiệm ăn, cuốn bay tứ tán khắp đường phố, tổn thất không biết bao nhiêu mà kể. Đó là những việc đã thật sự xảy ra.

Đến năm 1962, tôi sang Mỹ Quốc, và suốt mười mấy năm chưa về lại Hương Cảng. Do đó, trong giới Phật tử có tin đồn rằng tôi lưỡng gạt tiền bạc của người ta rồi trốn qua Mỹ, không dám trở về!

Vào khoảng năm 1973, tôi về lại Hương Cảng; và nguyên do Hương Cảng không bị nạn cuồng phong trong suốt mười mấy năm tôi lưu lại đó, tôi không hề kể với ai cả, bởi vì thiên cơ bất khả lậu, nói ra chỉ e rằng không còn linh ứng nữa! Đợi đến lúc từ Mỹ Quốc về lại Hương Cảng, tôi mới thật thà nói ra. Lúc bấy giờ, suốt năm ngày, tôi thuyết pháp ở Giác Uyển, Đông Bắc Hương Cảng, và luôn tiện kể rõ sự việc Hương Cảng không bị nạn cuồng phong trước đây.

Có vài người ở Hương Cảng nghe thế thì dần không được, bèn viết thư và gửi bài đăng báo hoặc tạp chí để thóa mạ tôi. Máy người Mã Lai Á đọc được bèn cho tôi hay, và ngỏ ý muốn khai mào một cuộc bút chiến. Họ hỏi tôi xem có nên mở một trận bút chiến hay chẳng! Thật ra, đem vấn đề này ra hỏi tôi thì cũng rất ngớ ngẩn, mà tôi cũng không muốn để tâm đến những chuyện như thế! Họ hỏi tôi có được hay không thì tôi cũng chẳng nói là được hay không được; nhưng tôi có trả lời thư cho họ, trong thư viết rằng:

*“Thị phi cần gì cãi,
Chân ngụy lâu tự rõ,
Người trí thấy chân thật,
Kẻ ngu làm hư ngụy,
Người thiện học Bồ Tát,
Kẻ ác dám mắng Phật,
Bình đẳng đại từ bi,
Phổ nhiếp chư hàm thức.”*

“Thị phi cần gì cãi.” Những chuyện thị phi phải trái ở thế gian này thì lúc nào cũng có, chẳng cần phải biện luận tranh cãi làm gì.

“Chân ngụy lâu tự rõ.” Thế nào là thật, thế nào là giả, thì lâu dần sẽ lộ rõ chân tướng, phơi bày sự thật.

“Người trí thấy chân thật.” Người có trí huệ nhìn sự việc gì cũng đều thấy được thực chất của nó.

“Kẻ ngu làm hư ngụy.” Người ngu si thì toàn làm những việc giả dối, đeo mặt nạ mà ngỡ rằng người khác không nhận ra được.

“Người thiện học Bồ Tát.” Người lương thiện thì học theo hạnh Bồ Tát, thực hành đạo Bồ Tát, làm lợi ích cho tha nhân, rộng lòng bố thí cho kẻ khác, dùng Tứ Vô Lượng Tâm—từ, bi, hỷ, xả—để giáo hóa chúng sanh.

“Kẻ ác dám mắng Phật.” Những kẻ ác thì đừng nói là con người, mà ngay cả Đức Phật,

họ cũng dám thóa mạ như thường!

“Bình đẳng đại từ bi.” Người học Phật thì đối với ai cũng giữ lòng bình đẳng như nhau, đều dùng tâm từ bi mà đối đãi với mọi người.

“Phổ nhiếp chư hàm thức.” Chúng ta cần phải rộng lòng nhiếp thọ tất cả chúng sanh, tất cả chúng hữu tình, và chớ nên khởi lòng đối đãi hoặc có tâm phân biệt.

Những người từ Mã Lai Á này sau khi xem xong mấy câu kệ của tôi bèn quyết định không khai mào cuộc bút chiến nữa. Những cuộc bút chiến kiểu này thường xảy ra rất nhiều.

Tôi đến Mỹ Quốc giáo hóa người Mỹ là dùng cái gì để giáo hóa? Tôi dùng câu **“Everything’s ok. No problem!”** Tất cả mọi việc đều ok, không có vấn đề gì cả:

*Thuận nghịch đều tinh tấn,
Khen chê chẳng động tâm!*

Ban đầu, tôi có viết bài kệ như sau:

*Tất cả là thử thách,
Xem **ta** làm thế nào,
Đối cảnh như chẳng biết,
Phải luyện lại từ đầu!*

*Tất cả là thử thách,
Xem **bạn** làm thế nào,
Đối cảnh như chẳng biết,
Phải luyện lại từ đầu!*

*Tất cả là thử thách,
Xem **họ** làm thế nào,
Đối cảnh như chẳng biết,
Phải luyện lại từ đầu!*

Khi vừa mới chân ướt chân ráo đến nước Mỹ, tôi đã dùng những câu kệ này làm phương châm để giải quyết mọi vấn đề, và cũng để giáo hóa người Tây phương. Lần thứ nhì tôi

lại viết một bài kệ, bài ấy như sau:

*Thành thật nhận lỗi mình,
Chớ bàn luận lỗi người,
Lỗi người tức lỗi mình,
Cùng thể ấy Đại Bi!*

“Thành thật nhận lỗi mình.” Khi người ta nêu ra những sai sót, lầm lẫn của mình, thì mình phải thật tâm nhìn nhận, chớ nên không chịu nhận lỗi của mình.

“Chớ bàn luận lỗi người.” Đừng bàn bạc, thảo luận về cái đúng cái sai của người khác.

“Lỗi người tức lỗi mình.” Nếu quý vị có thể xem cái sai của người khác như là cái sai của chính mình, thì đó gọi là “cùng thể”; và đó cũng chính là “Đại Bi” vậy. Như thế, nếu quý vị có thể thương người như thể thương thân, xem mình với chúng sanh là một, thì có gì để cho ta phải sanh lòng oán hận thù hằn?

Bài kệ thứ ba chính là bài kệ tôi đã đề cập tới khi nãy:

*Thị phi cần gì cãi,
Chân ngụy lâu tự rõ,
Người trí thấy chân thật,
Kẻ ngu làm hư ngụy.
Người thiện học Bồ Tát,
Kẻ ác dám mắng Phật,
Bình đẳng đại từ bi,
Phổ nhiếp chư hàm thức.*

Bất luận tu theo pháp môn nào—Tịnh Độ, Thiền Tông, Mật Tông, Luật Tông, hoặc Giáo Tông—nếu quý vị đặt nền tảng trên “**không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối**” để tu hành, thì cũng đều được tương ứng cả. Trái lại, nếu quý vị còn tranh, còn tham, còn mong cầu, còn ích kỷ, còn tự lợi, còn nói dối, thì tu pháp môn nào cũng sẽ chẳng bao giờ được tương ứng; thậm chí có khi còn bị “tẩu hỏa nhập ma,” hoặc

tinh khí bị phân tán cũng không chừng.

Vậy, bất luận học tông nào thì quý vị cũng đều nên không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, không nói dối. Quý vị không nên tranh với người khác, cũng đừng tranh với chính mình. Người với người đừng gây gỗ, nhà với nhà đừng tranh chấp, nước này đừng gây chiến với nước khác; tất cả nên “cái gì mình không muốn thì chớ đem cho người khác,” và cái gì thuộc sở hữu của người khác thì mình chớ nên tham lam cưỡng đoạt. Đừng tham của bất nghĩa, chớ uống rượu. Đừng hưởng ngoại truy cầu, đừng quá ích kỷ. Con người thời nay cứ hủy báng lẫn nhau, đấu tranh lẫn nhau, vì sao? Đó là do ích kỷ; nếu không có lòng ích kỷ thì cái gì cũng chẳng sợ cả, cũng chẳng cần tranh chấp với người khác. Cho nên, không ích kỷ là một phương pháp rất hữu dụng.

*Đạo (đường) là để đi, không đi thì
Đạo (đường) để làm gì?
Đức là do làm, không làm thì sao có
Đức?*

Vì vậy, nói đi nói lại thì chỉ cần thật sự lắng nghe được một câu, rồi chân chánh áp dụng, theo đó mà thực hành, không hề xao lãng, thì sẽ được ích lợi vô cùng. Chúng ta không nên ôm đồm, tham nhiều, “nhiều thì nhai không nhuyễn” được! Người đang tu pháp môn niệm Phật đừng vì nghe người ta trầm trở Mật Tông hay mà chạy theo Mật Tông; kẻ tu Mật Tông cũng chớ vì nghe khen niệm Phật tốt bèn chạy theo niệm Phật. Đừng chạy khắp nơi như đánh “du kích,” tu tới tu lui suốt cả một đời mà cũng không thành gì cả.

Chúng ta tổ chức Pháp Hội Niệm Phật là để “tiêu tai”; nếu mọi người nhất tâm niệm “Nam mô A Di Đà Phật,” trong lòng không gợn tham tâm, chẳng khởi sân hận, cũng chẳng có si tâm, thì đó chính là “tiêu tai” vậy. Trong

lòng quý vị cần phải luôn luôn có một danh hiệu Phật ngự trị, thường xuyên nhớ nghĩ đến nhất tâm bất loạn, và cứ thế mà niệm trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày. Trong suốt bảy ngày phải nhất tâm bất loạn, niệm niệm liên tục, miên man như nước chảy, không hề gián đoạn, đi đứng nằm ngồi đều không ngừng niệm Phật, đừng vọng tưởng nghĩ ngợi chuyện khác. Có câu:

*Miệng niệm Di Đà, tâm tán loạn,
Cổ khô tiếng khản chỉ uống công.*

Tuy quý vị lớn tiếng niệm Phật đến khô cổ rất hòng, song thâm tâm lại vọng tưởng lăng xăng, vẫn vơ nghĩ đông nghĩ tây, nghĩ nam nghĩ bắc, thì có niệm đến bao lâu đi chẳng nữa cũng chẳng thể tương ứng. Niệm Phật. Quý vị cần phải “không niệm mà niệm,” chớ sanh vọng tưởng viển vông.

Hôm nay, Pháp Hội thịnh đại này cho thấy đây là điềm may mắn cho đất nước của chúng ta, toàn thể dân chúng sẽ được hưởng hạnh phúc mà họ đáng được hưởng. Hy vọng rằng mỗi người trong chúng ta sẽ không quên buổi thịnh hội ngày hôm nay.

Quý vị cần phải thường xuyên niệm Phật—nếu có thể niệm Phật thật nhiều thì quốc gia sẽ có khí kiết tường; nếu không niệm Phật thì quốc gia sẽ bị vây phủ bởi ma khí. Vì thế, chúng ta phải giúp cho quốc gia được tràn ngập thứ khí kiết tường, khiến cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, không còn cuồng phong bão tố, không còn thiên tai nhân họa. Đây là điều tôi thiết tha muốn nói với quý vị. Chúc quý vị thân thể an khang, tinh thần an lạc!

Thất và Pháp Hội Vạn Phật Thành 2005

- **Lễ giỗ Hòa Thượng Tuyên Hóa lần thứ 10:** Chủ Nhật 12 tháng 6.
- **Quán Âm Thất:** từ Chiều 23 (*Sái Tịnh Đạo Tràn*) đến 30 tháng 7.
- **Lễ vía Bồ Tát Quán Âm Thành Đạo:** Chủ Nhật 24 tháng 7.
- **Ba Ngày Thiền Tập:** từ Chiều 31 tháng 7 đến 3 tháng 8.
- **Lễ Vu Lan:** Chủ Nhật 19 tháng 8.
- **Địa Tạng Thất:** từ Chiều 27 tháng 8 (*Sái Tịnh Đạo Tràn*) đến 3 tháng 9.
- **Lễ vía Địa Tạng Bồ Tát Đản Sanh:** Chủ Nhật 28 tháng 8.
- **Quán Âm Thất:** từ Chiều 15 (*Sái Tịnh Đạo Tràn*) đến 22 tháng 10.
- **Lễ vía Bồ Tát Quán Âm Xuất Gia:** Chủ Nhật 16 tháng 10.
- **Ba Ngày Thiền Tập:** từ Chiều 23 đến 26 tháng 10.
- **Ba Ngày Thiền Tập** (nhân lễ Tạ Ơn - Thanksgiving): Chiều 24 đến 27 tháng 11.
- **A Di Đà Thất:** từ Chiều 10 đến 17 tháng 12.
- **Lễ vía Phật A Di Đà Đản Sanh:** Chủ Nhật 11 tháng 12.
- **Ba Tuần Thiền:** từ Chiều 18 tháng 12, 2005 đến 7 tháng 1, 2006.



Chánh Pháp Là Gì?

Cư sĩ Trần Do Ân

Trích dịch từ nguyên bản Hoa Ngữ : **Thảo Luận Tuyên Hóa Lão Hòa Thượng Thích Phật Học Công Hiến** (*Thử Luận Về Những Cống Hiến Của Hòa Thượng Tuyên Hóa Đối Với Nền Phật Học*) do Cư sĩ Trần Do Ân soạn đăng trên nguyệt san Vajra Bodhi Sea từ số tháng 6, 1996 đến số tháng 10, 1997.

Nhân dịp Kỷ Niệm 10 năm Hòa Thượng viên tịch, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu một ít tâm huyết và đóng góp của Hòa Thượng đối với Phật Giáo qua những “Thảo Luận” của ông Trần Do Ân. Có lẽ qua đó, cũng sẽ giúp chúng ta có thêm được Trạch Pháp Nhân, và trân quý những đóng góp của Ngài hơn. Dưới đây là phần đầu về Chánh Pháp trong quyển Thảo Luận của ông Trần Do Ân.

bdh

Chánh Pháp là gì? Phật Pháp được chia thành ba thời kỳ là thời Chánh Pháp, thời Tượng Pháp, và thời Mạt Pháp. Các thời kỳ Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni được ghi chép trong các kinh điển thì không đồng nhất, nhưng hầu hết các bậc cổ đức đều theo thuyết ý định thời kỳ Chánh Pháp là 500 năm, thời kỳ Tượng Pháp là 1.000 năm, và thời kỳ Mạt Pháp là 10.000 năm. Trong thời Chánh Pháp (chánh có nghĩa là chứng), mặc dầu Đức Phật đã diệt độ, nhưng Pháp nghi vẫn không thay đổi. Có giáo pháp, có sự hành trì, và có người chứng đắc quả vị—đó gọi là thời kỳ Chánh Pháp, và còn được mệnh danh là thời kỳ “Thiền Định kiến cố.” Trong thời Tượng Pháp (tượng có nghĩa là biểu tượng), tuy vẫn có giáo pháp, có sự hành trì, nhưng số người chứng đắc quả vị thì rất ít; thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “tự miếu kiên cố.” Trong thời Mạt Pháp (mạt có nghĩa là suy vi, yếu kém), Phật Pháp trở nên suy tàn, chỉ có giáo pháp chứ không có sự hành trì, và càng không có người chứng đắc quả vị. Thời kỳ này còn được gọi là thời kỳ “đấu tranh kiên cố.” Đây là lời giải thích thông thường về ba thời kỳ “Chánh, Tượng và Mạt” của Phật Pháp.

Thế nhưng, Hòa Thượng định nghĩa về Chánh Pháp như sau:

“Quý vị thành thật tu hành, không ham hư danh giả lợi, không tham của cúng dường — đó chính là Chánh Pháp trụ thế. Nếu mọi người xuất gia đều có thể giữ giới không đụng đến tiền bạc, đều có thể ngồi Thiền, có thể ngày ăn một bữa lúc giữa trưa, có thể luôn luôn mặc giới y và nghiêm trì giới luật, thì đó là Chánh Pháp đang trụ thế vậy!”

Thậm chí Hòa Thượng còn giảng nghĩa một cách đơn giản hơn nữa:

“Nếu quý vị có thể không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối, thì đó chính là Chánh Pháp đang trụ thế vậy!”.

Như vậy, thế nào là thời kỳ Mạt Pháp? Trong quyển 5 của Pháp Hoa Nghĩa Sở có chép: “Khi [Pháp] trở thành suy vi, đó gọi là thời Mạt Pháp.” Trong quyển 6, chương Nghĩa Lâm của Đại Thừa Pháp Uyển có nói: “Chỉ có giáo pháp mà không có gì khác thì gọi là Mạt Pháp.” Tuy nhiên, sự mô tả chân chánh tường tận về thuyết Mạt Pháp được xuất hiện trong Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, phần Nguyệt Tạng, và trong Kinh Pháp Diệt Tận. Về sau, thuyết Mạt Pháp xuất hiện dưới triều đại Bắc Tề (550-377 SCN), trong bài văn phát nguyện của Thiền Sư Huệ Tư ở Nam Nhạc (Nam Nhạc Tư Thiền Sư Lập Thệ Nguyện Văn). Thiền Sư Huệ Tư đã tự ghi lại là ngài sanh vào năm thứ 82 của thời Mạt Pháp và đã chép lại toàn bộ Kinh Bát Nhã cùng nhiều bản văn khác. Ngài đã nguyện sẽ truyền Pháp cho đến khi Bồ Tát Di Lạc đến thế gian này. Đời nhà Tùy (589-618 SCN), Thiền Sư Tín Hành đề xướng “giáo pháp ba giai đoạn” (tam giai giáo) với Nhất Thừa là giai đoạn đầu tiên, Tam Thừa là giai đoạn thứ nhì, và Phổ Pháp (toàn bộ lời dạy của Đức Phật) là giai đoạn thứ ba.

Trong đời nhà Đường (618-905 SCN), Đại Sư Đạo Trác và Đại Sư Thiên Đạo có nói rằng đương thời là đã vào thời Mạt Pháp, và chủ trương “thời giáo tương ứng” (khế hợp giáo pháp với thời đại), khuyến khích người đời tu pháp môn Niệm Phật. Nói chung, cho dù thời kỳ Mạt Pháp nhất định có xảy đến chăng nữa, thì trong quyển 49 của Thập Tụng Luật, Đức Phật cũng đã nêu ra năm điều có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

Năm điều này là:

1. Tôn Trọng Chánh Giáo. Điều này có nghĩa rằng các Tỳ Kheo chỉ dựa vào giáo pháp chân chánh mà tiến tu, xa lánh cái nhìn lệch lạc (thiên kiến) của Tiểu Thừa cùng các tà thuyết của ngoại đạo; nhờ đó có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

2. Chỉ Tức Sân Ác (đình chỉ nóng giận và ác độc). Điều này có nghĩa rằng các Tỳ Kheo luôn luôn thực hành hạnh nhẫn nhục, không nóng giận, danh tiếng về đức độ lan xa làm cho mọi người đều quay về và dốc lòng kính ngưỡng; nhờ đó có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

3. Kính Sư Thượng Tọa (tôn kính phụng sự các bậc trưởng thượng). Điều này có nghĩa rằng các Tỳ Kheo tôn kính và phục tòng các vị đại đức ở hàng thượng tọa và chuyên cần cầu học yếu nghĩa Phật Pháp từ họ; nhờ đó có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

4. Ái Lạc Chánh Pháp (trân quý Chánh Pháp). Điều này có nghĩa rằng các Tỳ Kheo trân quý thâm sâu những điều pháp nghe được từ các bậc trưởng tọa, trưởng lão kỳ cựu, và vui mừng thực hành theo; nhờ đó có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

5. Thiện Hối Sơ Tập (giải thích kỹ càng cho kẻ sơ học). Điều này có nghĩa rằng các Tỳ

Kheo phương tiện diễn nói pháp Đại Thừa một cách khéo léo, làm cho những kẻ mới bắt đầu học Phật Pháp có thể dựa vào để tiến tu trên đường Đạo; nhờ đó có thể khiến cho Chánh Pháp không bị hủy diệt.

Vào thời Mạt Pháp chúng sanh không thể liên tục phân biệt được chánh tà, đến nỗi nhiều người muốn vào cửa Phật nhưng đã vào lầm cửa mà tu hành. Đó là do họ thiếu “Trạch Pháp Nhân.” Mặc dầu trong thời Mạt Pháp, hiện tượng “mất cá xen lẫn ngọc trai” [vàng thau lẫn lộn] trong cửa Phật không phải là ít, song nguyện lực của Hòa Thượng rất rõ ràng:

“Tôi nhất định phục hưng Chánh Pháp. Tôi chỉ cho phép Phật Giáo có Chánh Pháp chứ không có Mạt Pháp! Bất cứ nơi nào tôi đến, nơi đó sẽ có phước đức, trí huệ và được giảm bớt tai ương. Đây là nguyện lực của tôi. Do đó, không quản khả năng giới hạn của mình, tôi đi khắp nơi tuyên thuyết Chánh Pháp và hành trì Chánh Pháp.”

Mặc dầu Đức Phật nhiều lần đề cập đến sự hủy diệt của Phật Pháp, tuy nhiên Đức Phật cũng có ý khắc phục sự hủy diệt của Chánh Pháp. Như trong Kinh Niết Bàn có chép: “Trong thời Mạt Pháp sẽ có mười hai vạn (120.000) vị Đại Bồ Tát trì Pháp, khiến cho bất diệt.” Từ đó có thể biết được rằng nguyện lực không cho phép có Mạt Pháp” của Hòa Thượng há chẳng phải chính là tâm đại từ đại bi của chư Như Lai hay sao?

Hòa Thượng đã cảm khái rằng:

Phật Pháp vị diệt, Tăng tự diệt,
Đạo đức ứng tu, nhân bất tu,
Lão thật chân thành chiêu vật cơ,
Hư ngụy giả hoạt thọ bao ưu.
Cử thế ngũ trước thanh thậm tiến.
Chúng sanh tam túy tỉnh vô thu,
Ân cần ký ngữ Tăng thanh bối,
Chấn hưng Phật Pháp tại Tỳ Kheo.

Tạm dịch:

Phật Pháp chưa diệt, Tăng tự diệt,
Đạo đức cần tu, chẳng ai tu,
Thành thật chân chánh, bị chế diễu,
Gián ngoa xảo trá, được tán dương.
Muốn đời Ngũ Trước nên tươi sáng,
Chúng sanh tỉnh hẳn ba lần mê,
Ân cần nhắc nhở Tăng Ni trẻ:
Chấn hưng Phật Giáo cậy Tỳ Kheo!

Trong Phật Giáo không thể có 99%—nếu chỉ một phần nhỏ trong Phật Giáo là giả dối, thì đó không còn là “Chánh Pháp” nữa! Do đó chúng ta phải phân biệt thật rõ ràng, bởi vì trong các chùa chiền đều có cả “tà pháp và ngoại đạo.” Phật Giáo có câu: “Thà cả ngàn năm chẳng vãng sanh, còn hơn một ngày trong ma đạo.” Nếu chúng ta thiếu Trạch Pháp Nhãn của “Tứ Chứng Thanh Tịnh Minh Hối” (trong Kinh Lăng Nghiêm) e rằng chúng ta có thể trở thành quyến thuộc của loài ma mà chính mình lại không hay không biết!

Nhân đây, người viết xin giới thiệu bảy điểm rất quan trọng trong việc phân biệt chánh tà:

1. Vị Thầy lấy việc trao đổi chồng vợ, nam nữ hoang dâm, buông thả vô độ, làm mỗi nhử để thu hút đồ chúng, và xem như là phương tiện để cứu thế gian; đó là tà.

2. Vị Thầy khơi dậy lòng tham của đồ chúng bằng cách nói rằng mình có thể dùng bùa, chú, và thần tài để giúp họ trở nên giàu có; đó là tà.

3. Vị Thầy khuyến khích trực tiếp hay gián tiếp việc giết hại chúng sanh và ăn thịt chúng sanh, còn nói rằng mình có thể dùng bùa chú để cứu độ vong linh của những chúng sanh bị ăn thịt; đó là tà.

4. Vị Thầy thực hành các loại khổ hạnh kỳ dị, tự làm thương tổn để tác động chúng sanh, và gọi đó là chịu khổ thay cho chúng sanh; đó là tà.

5. Vị Thầy dùng thần thông và các điều kỳ dị làm “công cụ” để thu hút những chúng sanh có lòng hiếu kỳ; đó là tà.

6. Vị Thầy tự ý thêm bớt, sửa đổi các quả vị tu hành trong Phật Giáo và giải thích lệch lạc ý nghĩa của “tín, giải, tu, chứng,” còn tự cho mình là giáo chủ; đó là tà.

7. Vị Thầy tự lập ra tông phái rồi tự xưng là giáo chủ mà chính mình lại không có căn bản chân thật về đạo lý Phật Giáo; đó là tà.

Chánh Pháp và Mạt Pháp

Một lần nọ, có một Phật tử hỏi:

“Hòa Thượng thường nói rằng:

Chân thật nhận lỗi mình,
Không bàn lỗi người khác,
Lỗi người tức lỗi mình,
Đồng thể tức Đại Bi.

Thế nhưng tại sao Hòa Thượng lại thường công khai phê bình, bàn luận thị phi về người khác và đăng trong Kim Cang Bồ Đề Hải (Vajra Bodhi Sea - nguyệt san của Vạn Phật Thánh Thành)? Như vậy phải chăng là nói một đường, làm một nẻo?”

Hòa Thượng trả lời:

“Người sẽ bị đọa địa ngục là tôi chứ không phải ông. Nếu những gì tôi nói là đúng sự thật, thì đó không phải là thị phi; nếu không đúng sự thật, thì tôi chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục. Nếu có kẻ nói rằng bậc đại tu hành không bị nhân quả, thì quả báo là 500 đời làm thân chồn (hồ ly). Nếu tôi chối bỏ nhân quả—gọi đen là trắng, gọi trắng là đen, nói đúng thành sai, nói sai thành đúng - nói những điều không đúng thật, thì tôi sẽ bị đọa địa ngục Bạt Thiệt (rút lưỡi). Nếu tôi không nói sai, thì tôi không có tội.

Mạnh Tử có nói: ‘Ta há phải thích biện luận đâu! Ta cũng bất đắc dĩ đó thôi! Nếu cái đạo của Dương Tử và Mặc Tử không tắt đi, thì cái đạo của Khổng Tử chẳng được sáng rõ vậy!’ (1)

Tại sao tôi thích nói ‘thị, phi’ (điều đúng và điều sai)? Vì trong Phật Giáo có quá nhiều ‘thị, phi’! Lại còn nào là hắc giáo (giáo phái đen), bạch giáo (giáo phái trắng), hoàng giáo (giáo phái vàng), hồng giáo (giáo phái đỏ) ... thấy đều biến thành nhiều màu sắc khác nhau, đến hoa cả mắt. Ngay cả đen cũng không biết mình là đen, trắng cũng chẳng hay mình là trắng. Cho nên, tôi muốn nói ra những điều mà người khác không dám nói; nếu quý vị có ai không hài lòng thì cũng không sao, tôi cũng chẳng bận tâm. Tôi là kẻ chuyên môn đả phá tà tri tà kiến của người khác!”

Từ đoạn nói chuyện trên, chúng ta có thể thấu rõ được tâm từ bi bao la không đành lòng thấy chúng sanh bị đau khổ của Hòa Thượng. Đó gọi là “đại từ đại bi gần như tàn nhẫn”, và chính là thiện xảo phương tiện để giáo hóa chúng sanh của bậc Bồ Tát.

Hòa Thượng có lần viết bài thơ nói lên quyết tâm của Ngài:

“Tôi muốn nói lời thật,
Không sợ bị đánh, chửi.
Giết tôi, tôi chẳng sợ,
Giải thoát, có gì ngại?”

Hòa Thượng Hư Vân đã nói: “Nho sĩ là tội nhân của Khổng Tử; Tăng sĩ là tội nhân của Phật.” Ngài còn nhấn mạnh:

“Kẻ hủy diệt Phật Pháp chính là giáo đồ của Phật Giáo, chứ không phải các giáo phái khác. Kẻ làm cho Lục Quốc diệt vong chính là Lục Quốc, chứ không phải nhà Tần. Kẻ làm suy sụp nhà Tần chính là nhà Tần, chứ không phải Lục Quốc vậy.”

Trong kinh có nói rằng những biểu hiện suy tàn của thời kỳ Mạt Pháp có thể nhận thấy ở khắp nơi - như việc Tăng sĩ cưới vợ, ni cô lấy chồng, giới y cà-sa được thay bằng y phục thế tục, cư sĩ ngồi trên tòa cao, v.v Có cư sĩ Âu Dương Cảnh Vô đã dùng tri kiến riêng của mình mà viết ra Lăng Nghiêm Bách Ngụy Thuyết để phản đối Lăng Nghiêm. Lại có Pháp Sư Viễn Tham nói rằng Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác, Kinh Pháp Hoa và nhiều kinh khác, cũng như Đại Thừa Khởi Tín Luận đều là giả mạo. Đây chính là những hiện tượng của Thời Kỳ Mạt Pháp.

Hòa Thượng đã nhiều lần lập lại lời huấn thị về việc bảo vệ và duy trì Chánh Pháp:

“Trong Phật Giáo, tất cả kinh điển đều rất quan trọng, nhưng Kinh Lăng Nghiêm còn quan trọng hơn nữa. Phàm hễ nơi nào có Kinh Lăng Nghiêm, thì nơi đó có Chánh Pháp trụ thế. Khi Kinh Lăng Nghiêm bị mất đi, đó là dấu hiệu của Thời Kỳ Mạt Pháp. Khi giảng Kinh Lăng Nghiêm, tôi có nói rằng: ‘Vào thời kỳ Mạt Pháp, Kinh Lăng Nghiêm sẽ bị diệt trước nhất. Sau đó dần dần các kinh khác cũng bị diệt theo.’ Kinh Lăng Nghiêm là chân thân của Phật, là xá-lợi của Phật, là tháp miếu thờ Phật. Nếu Kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, thì tôi sẵn sàng chịu đọa địa ngục Vô Gián, vĩnh viễn ở chốn địa ngục, không bao giờ được trở lại thế gian để gặp mọi người nữa! Người nào có thể học thuộc Kinh Lăng Nghiêm, học thuộc Chú Lăng Nghiêm, thì người đó mới là đệ tử chân chánh của Phật!”

Trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói với Tôn Giả Ca Diếp rằng:

“Trong quá khứ khi Ta là vua tên Hữu Đức, để hộ trì Chánh Pháp, Ta đã chiến đấu với những kẻ muốn hủy hoại Chánh Pháp, và đã thiệt mạng. Sau khi chết, Ta được sanh về cõi nước của Phật A Súc Bệ và trở thành đệ tử thượng thủ của Đức Phật đó. Nay Ca Diếp! Những người hộ trì Chánh Pháp được quả báo công đức vô lượng như thế. Do nhân duyên hộ trì Chánh Pháp này, mà nay Ta được tướng hảo trang nghiêm và thành tựu được Pháp thân kim cang bất hoại.”

Pháp tự nó vốn không có Chánh, Tượng, Mạt; nhưng tâm con người thì có sự phân biệt về “Chánh, Tượng, Mạt.” Theo Hòa Thượng, bất cứ khi nào còn có người dụng công tu hành, thì khi đó là Chánh Pháp còn đang trụ thế. Nếu không còn ai tu hành, không có người nào đọc, tụng, và học thuộc Kinh Lăng Nghiêm, thì đó là Thời Kỳ Mạt Pháp. Bởi trong Kinh Lăng Nghiêm, có phần “Tứ Chung Thanh Tịnh Minh Hối” giảng về sát sanh (sát), trộm cắp (đạo), dâm dục (dâm), dối trá (vọng); với phần Ngũ Thập Ấm Ma giảng về thiên ma, ngoại đạo cận kề đến tận xương tủy; và cả hai phần này đều nói rất rõ ràng rằng khi nào không còn người giữ giới, thì khi đó là Thời Kỳ Mạt Pháp. Giới còn, tức là Phật Pháp còn vậy!

Vào năm 1990, trong một lần thuyết giảng tại Trung Tâm Lao Công tại Cao Hùng, Đài Loan, Hòa Thượng đã khẩn thiết nói rằng: “Thời Kỳ Mạt Pháp là do những người tại gia chỉ hộ trì cho một người xuất gia riêng lẻ mà tạo thành!” Vì sao lại như thế?

Hòa Thượng giải thích rằng:

“Người xuất gia sống một mình một chùa, xưng vương xưng bá, làm vua một cõi.” Người tại gia do thiếu “Trạch Pháp Nhân nên đi theo hộ Pháp cho họ, hộ tới hộ lui, và hộ luôn xuống địa ngục! Vào Thời Kỳ Chánh Pháp, tất cả đại chúng đều sống chung trong một đại tùng lâm của chùa, và cùng nhau dụng công tu Đạo. Song, vào thời kỳ Mạt Pháp, người ta lại không thích nếp sống của đại tùng lâm nữa: Mỗi người ở một chùa riêng—ông theo cách của ông, tôi theo cách của tôi — khiến cho người tại gia trở nên hoang mang, bối rối. Họ thấy ông sư này tướng mạo trông đẹp để bèn hộ pháp cho ông ta, xây chùa riêng cho ông ta trụ trì. Rồi sau đó lại thấy một vị sư khác cũng không tệ lắm, họ lại xây cho vị đó một ngôi chùa nữa. Hộ tới hộ lui, rốt cuộc là làm cho những người xuất gia sanh lòng tham danh háms lợi đến nỗi phải hoàn tục!”

Hòa Thượng hoàn toàn không phản đối việc xây chùa, nhưng chỉ vì con người ngày nay quá hưởng thụ, không biết lấy Pháp nghĩa và giáo dục (nghĩa lý Phật Pháp và đạo lý giáo dục) để hóa độ chúng sanh. Họ chỉ biết dùng “chùa lớn” để độ chúng sanh, cùng bày ra phương cách để được nổi tiếng và trở nên giàu có.

Cái nhìn của Hòa Thượng về việc xây chùa như sau:

“Tạo chùa không bằng tạo người, tạo người không bằng tạo Phật. Tôi muốn làm một người thợ đúc tượng. Tôi muốn đúc nên những vị Phật sống, những vị Bồ Tát sống, những vị Tổ Sư sống. Tôi còn muốn làm cho tất cả chúng sanh trên toàn thế giới này đều biến thành những vị Phật sống, Bồ Tát sống, Tổ Sư sống luôn nữa! Tôi dả phá đây không phải là những ngôi chùa lớn, mà là các miếu thờ Thổ Địa, miếu thờ Thành Hoàng, miếu thờ của gia tộc. Khi những người ở chùa nhỏ dọn sang chùa lớn, thì tất cả có thể cùng nhau tu hành, như thế mới là nếp sinh hoạt của một đại tùng lâm. Vì sao ở chùa nhỏ thì không được tốt? Bởi vì ở đó thiếu sự gò bó, câu thúc; không cần phải ‘quán tự tại’, mà có thể ăn tự tại, mặc tự tại, đi đứng tự tại, nên rất dễ quên đi việc tu Đạo. Hàng ngày chỉ biết phan duyên, mà tập khí này chính là vết thương trí mạng làm băng hoại Phật Giáo!”

Tôi hy vọng Phật Giáo sẽ ghi lòng tạc dạ những lời này và đừng tiếp tục “bịt tai ăn cắp chuông”, dối gạt nhân loại nữa. Hiện nay, các dấu hiệu hỗn loạn trong Phật Giáo tại Đài Loan đã vô cùng nghiêm trọng, có thể nói là đến mức phải báo động rồi; thế nhưng, chẳng có người nào dám đứng ra lên tiếng kêu gọi; mà ai nấy chỉ trở mắt ngời nhìn cảnh Phật Giáo đang đi dần về hướng diệt vong. Cách ba bước là có một tịnh xá, đi năm bước là gặp một ngôi chùa lớn – mọi người đều ra sức tổ chức Pháp hội, siêu độ vong linh, làm lễ quán đảnh, truyền Pháp, xây chùa..., mà chẳng hay biết gì về việc hoằng dương giáo nghĩa, hướng dẫn chúng sanh làm thế nào để chấm dứt sanh tử! (2)

Giáo nghĩa căn bản của Đức Phật là giáo dục, làm cho tất cả chúng sanh đều có trí huệ, có

Trạch Pháp Nhân, biết nhân biết quả, đoạn ác tu thiện; chứ chẳng phải một mực chú trọng về việc xây chùa dựng miếu, tổ chức Pháp hội! Chúng ta có bao giờ tự hỏi rằng đằng sau những lời giáo huấn nghiêm khắc này của Hòa Thượng ẩn giấu biết bao máu lệ xót xa?

Như ý nghĩa trong câu “đản năng quang chiếu viễn, bất tích tự phần thân,” Hòa Thượng chỉ muốn ánh sáng từ ngọn đuốc trên tay Ngài soi sáng được càng xa càng tốt, mà chẳng quan tâm đến việc mình bị phồng! “Dầu gặp muôn vàn khó khăn, tôi vẫn giữ vững ý chí của mình.” Đây là lời mô tả chân thật nhất về Hòa Thượng.

Ghi chú của Ban Việt Dịch:

(1) - Mạnh Tử (Mạnh Kha), người đất Châu (372-289 trước Tây lịch), là một nhà hiền triết có công rất lớn trong việc làm sáng tỏ đạo Nho.

- Dương Tử (Dương Chu), người nước Vệ (khoảng 440-360 trước Tây lịch); là một triết gia thời Chiến Quốc, sinh vào khoảng 440-360 trước Tây lịch; chủ trương thuyết vị ngã”—chỉ lo riêng về việc mình mà không hề đếm xỉa đến thiên hạ sự, quyết gạt bỏ ngoài tai chuyện của người.

- Mặc Tử (Mặc Địch), người nước Sở, là một đại học giả thời Chiến Quốc, làm Đại Phu cho nước Tống; chủ trương thuyết kiêm ái và hòa bình; lập ra học phái Mặc Gia, lấy kiêm ái làm chủ đích.

(2) Lão Hòa Thượng Quảng Khâm đã từng khai thị rằng: “Trên thế gian hiện nay, đích thực có những người xuất gia như thế. Họ chỉ mưu tính khuếch trương ngôi chùa của mình cho lớn, chiêu dụ tín đồ theo mình cho đông, để khoe là có khả năng trước mặt mọi người! Họ không cho phép tín đồ kính tin các vị Phật ở những chùa khác (chỉ được tin vị Phật ở chùa của họ mà thôi!); và tín đồ cũng chỉ được tin một mình họ thôi, không được tôn kính những người xuất gia khác. Hạng người cống cao ngã mạn, tự tôn tự đại này, chẳng phải vẫn còn lẫn lộn trong vòng danh lợi giống như người tại gia bình thường, sống lây lất trong khổ não qua ngày đoạn tháng sao? Phật Pháp vốn chuta suy vi, chính là lòng người đang suy vi vậy!”



Niềm Hãnh Diện Về Con Trai Tôi - Những Lời Chân Thành Của Thân Mẫu Một Vị Tỳ Kheo

Bài nói chuyện của Bà Deborah Metcalf tại nhà thờ của bà vào năm 2004

Dịch từ bản Anh ngữ đăng trên Nguyệt san Vajra Bodhi Sea, issue 417, February 2005, pp 36-41

Con trai tôi là Christopher Clowery [Ghi chú của Chủ bút: Tên lúc còn tại gia của Thầy Hằng Thật], trở thành một Phật tử sau khi học tiếng Trung Hoa, đầu tiên là tại trường Trung Học DeVilbiss, sau đó tại Đại Học Oakland, nơi anh nhận văn bằng Cử Nhân, và tại Đại Học Berkeley nơi được học bổng Danforth. Sau đó, anh phiên dịch bản Kinh Phật Giáo để làm luận án Cao Học tại Đại Học Berkeley và thấy rằng bản kinh đã cho anh câu trả lời cho việc tìm kiếm niềm tin (1).

Vào thời điểm đó, anh gặp Hòa Thượng Tuyên Hóa, một tu sĩ Phật Giáo từ miền Bắc Trung Hoa đến California để làm cho Phật Giáo Đại Thừa trở thành một tôn giáo tích cực tại Hoa Kỳ. Hòa Thượng quy tụ quanh ngài những người tốt nghiệp từ các trường Đại Học Harvard, Columbia và Berkeley. Lúc đó chiến tranh Việt Nam đang diễn tiến và những thanh niên nam nữ ưu tú này đang tìm câu trả lời cho những thắc mắc về tâm linh mà lời dạy của tôn giáo họ đã không thỏa mãn được.

Hòa Thượng và những người theo ngài đã mua một tòa nhà vốn là cơ xưởng cũ ở vùng Mission thuộc thành phố San Francisco và thiết lập Kim Sơn Thánh Tự, ngôi chùa đầu tiên của một hệ thống gồm hơn hai mươi tu viện hay đạo tràng hiện nay đang phát triển từ Los Angeles đến Calgary, Alberta và tại Mã Lai, Úc Đại Lợi và Đài Loan.

Tôi được học hỏi thêm về Phật Giáo vào năm 1985, khi Hòa Thượng (trong bài này, Hòa Thượng Tuyên Hóa được đề cập là Hòa Thượng) mời tôi đến Vạn Phật Thánh Thành để cùng với Thầy Hằng Thật mừng sinh nhật 61 tuổi của tôi.

Sau khi Thầy Hằng Thật thọ giới cụ túc, Thầy và một tu sĩ đồng tu khác đã làm một chuyến hành hương Ba Bước Một Lạy dọc theo xa lộ ven biển tiểu bang California, từ Los Angeles đến Vạn Phật Thánh Thành ở phía bắc San Francisco, để xiển dương hòa bình thế giới. Cứ mỗi ba bước họ lại lạy rạp xuống đất một lạy. Cuộc hành hương tâm linh này kéo dài đến hai năm chín tháng mới hoàn tất (2). Thầy Hằng Thật đã phát nguyện tịnh khẩu trong những năm đó và thêm ba năm sau đó nữa; Thầy chỉ nói Phật Pháp hay giảng kinh điển mà thôi. Tôi không nhận được thư nào của Thầy trong suốt năm năm trời vì hạnh nguyện tịnh khẩu của Thầy bao gồm luôn cả việc viết thư (3)

Với nhiều mong đợi, tôi đáp máy bay từ tiểu bang Ohio đến California. Một cư sĩ thiện nguyện ở Tu viện đón tôi tại phi trường San Francisco và lái xe đưa tôi đến Vạn Phật Thánh Thành. Khuôn viên chùa gồm 75 tòa nhà tọa lạc trên vùng đất rộng 488 mẫu tây, trước đây vốn là một bệnh viện (tâm thần) tiểu bang cho đến khi ông Reagan trở thành Thống Đốc của Tiểu bang California. Những đạo luật mới kiểm soát quyền của bệnh nhân ngăn cấm việc người bệnh tự chăm sóc chính mình bằng cách tự trồng thực phẩm và bảo trì bệnh viện. Do đó, họ bị cột lại trong phòng của mình, chịu đựng thêm các bệnh tâm thần và cần được điều trị thêm nữa. Bệnh viện lại phải mượn thêm nhân viên để chăm sóc mọi thứ, và cả hệ thống trở thành một gánh nặng về tài chánh cho tiểu bang; và do đó bệnh viện phải bị đóng cửa. Tiểu bang bắt đầu một chương trình mới Chăm Sóc Tại Nhà (Home Care), có nghĩa là bệnh nhân được đưa về gia đình của họ. Nhiều bệnh nhân rất cuộc đã sống lê la ngoài đường, tạo nên một vấn đề nghiêm trọng về người vô gia cư.

Sau khi những người Phật Giáo mua lại khuôn viên này, họ thành lập tu viện, trường học cho trẻ em từ mẫu giáo đến lớp 12, nhà dưỡng lão, trường Đại Học và cả trung tâm phiên dịch nữa. Một trong những hoạt động chính của các người theo Hòa Thượng tại Hoa Kỳ là phiên dịch kinh điển Phật Giáo. Các kinh điển này đã được dịch từ Phạn Ngữ [Bắc Phạn] (Sanskrit) sang Hoa Ngữ trong những thế kỷ khởi đầu của Phật Giáo. Các tăng ni, một số có văn bằng Tiến Sĩ về Phạn Ngữ, nay đã nổi rộng công trình phiên dịch của họ sang đến 14 ngôn ngữ, cùng nhiều trung tâm phiên dịch (4)

Tôi suốt đời là một tín đồ Tin Lành, nhưng tôi nóng lòng muốn học tất cả những gì tôi có thể học được về một tôn giáo đã thu hút trọn vẹn niềm thích thú của con trai tôi đến nỗi anh đã cống hiến cuộc đời của mình cho tôn giáo đó. Thầy Hằng Thật trước đây cũng đã từng là một người Tin Lành tích cực tại Epworth.

Khi chúng tôi lái xe qua cổng Tam Quan có lợp mái rất uy nghi của Vạn Phật Thánh Thành, tôi có cảm tưởng mình đang đến một quốc gia xa lạ. Tôi biết tôi sẽ không hiểu tất cả những gì người ta nói hay làm tại đây, và tôi cũng không biết những gì đang chờ đợi tôi. Từ cổng sơn môn nhìn lên phía đồi, tôi có thể thấy một tượng Phật bằng đồng to lớn dưới một cái mái cao, và bên cạnh đó là một cái chuông đồng khổng lồ.

Tôi trông gặp lại những tăng ni mà tôi đã gặp trong lần viếng thăm đầu tiên. Các ni cô là những phụ nữ thông minh, có học vấn đã phát nguyện tuyệt dục, cũng như các tăng sĩ. Họ đều mặc những tấm y màu nâu giống như những vị tăng và đầu cũng cạo trọc. Lúc đó là vào tháng Mười Một và trong khí hậu mát lạnh của vùng Bắc California, họ đội nón len màu xanh thẫm, nhưng những nón len này không làm giảm đi vẻ nghiêm nghị của họ. Lúc đầu, tôi thấy rằng đó là một vấn đề vì người phụ nữ như vậy hoàn toàn chối bỏ nữ tánh của mình. Về sau, khi tôi bắt đầu biết thêm về họ, tôi đã thấy sâu hơn về sự giản dị, và đối với

những phụ nữ có những sứ mạng như vậy trong cuộc đời, thì hình thức bên ngoài không còn là vấn đề nữa.

Bà Quả Ngộ (5), một phụ nữ cao niên người Việt, người đã giúp tôi làm quen với môi trường mới, luôn theo tôi như một hướng dẫn viên. Bà giúp tôi ổn định chỗ ở tại một trong những căn nhà nhỏ, trước đây dành cho nhân viên bệnh viện và bây giờ thì được dùng làm nhà khách. Hàng năm, có rất nhiều vị khách Á Châu đến Vạn Phật Thánh Thành để dự khóa tu và nhiều vị khách cao niên đến đây để học hỏi về Phật Giáo.

Mỗi ngày lúc 11 giờ sáng, bà Quả Ngộ đưa tôi đến Vạn Phật Điện; ở đó, các vị tăng tập trung về một phía, các vị ni ở một phía khác, để cùng tụng kinh cầu nguyện trước bữa ăn độc nhất trong ngày. Những người khách thì có thể đến trai đường để ăn sáng và ăn tối nếu muốn.

Quả Ngộ đưa cho tôi một quyển kinh cầu nguyện có tiếng Anh và phiên âm tiếng Phổ Thông để đọc theo. Khi chuyển từ tên vị thần này sang tên vị thần khác trong lễ cầu nguyện của họ, người dẫn lễ đánh một tiếng chuông. Nếu tôi bị lạc trong phần đọc kinh, luôn luôn có người nào đó nhẹ nhàng chỉ cho tôi. Sự quan tâm đến người khác trong thâm lặng của họ thật cảm động. Tôi thấy được rằng vì là mẹ của một trong những hành giả đã đi Ba Bước Một Lạy hay Tam Bộ Nhất Bái, tôi được đón nhận sự tôn kính hoàn toàn không ngờ đến.

Vào cuối buổi lễ dài hai mươi phút, chúng tôi đi thành hàng theo sau các vị tăng, vừa xướng niệm vừa đi về phía trai đường. Tại trai đường, Hòa Thượng ngồi trên bục cao chính giữa, với khoảng hai mươi lăm vị tăng cùng các nam cư sĩ ngồi phía bên trái, và khoảng năm mươi vị ni cùng các nữ cư sĩ ngồi phía bên phải của ngài. Hòa Thượng là một người rắn chắc, mặc y màu vàng. Khuôn mặt ngài không giống bất cứ người nào tôi đã từng gặp. Gương mặt ngài biểu lộ lòng từ bi, ngay thẳng, và sự thông thái. Sau khi quen biết ngài, tôi có cảm giác kỳ lạ là ngài biết tôi đang nghĩ gì. Một người

tại gia mang thức ăn đến cho Hòa Thượng trước, sau đó các vị tăng và nam cư sĩ sắp hàng tự lấy thức ăn. Rồi các vị ni và nữ cư sĩ theo sau.

Trong bữa ăn tối đầu tiên, tôi thấy vật liệu trong những món ăn đều lạ mắt, chỉ nhận ra cải trắng, cơm và tàu hủ làm giả thịt bê, thịt gà và các loại thịt khác. Giới luật đạo Phật ngăn cấm sự giết hại, áp dụng cho cả việc giết súc vật cũng như con người, do đó các tăng ni đều là những người ăn chay nghiêm ngặt. Với mỗi đĩa thức ăn chay, Quả Ngộ giải thích thành phần trong đĩa, yêu cầu tôi lấy một số món và đừng lấy những món quá xa lạ với khẩu vị của người Tây phương. Nếu tôi tỏ vẻ ưa thích món ăn nào đó, là liền có người mang đến thêm cho tôi. Tôi thử qua các món ăn, nhưng tới cuối bữa tôi vẫn còn dư lại một ít thức ăn trong đĩa của mình. Tôi không biết rằng đây là một sai lầm trong phép lịch sự cho đến khi tôi theo Quả Ngộ đến sắp hàng trước hai nồi rửa chén lớn. Chúng tôi nhúng đĩa của mình vào nước xà bông trước, rồi sau đó mới nhúng vào nước sạch. Một người nào đó đã phải vét sạch đĩa của tôi trước khi tôi có thể rửa theo thông lệ. Dĩ nhiên người Phật giáo không phạm thức ăn.

Chúng tôi ăn trong yên lặng. Tôi khám phá ra rằng việc này giúp tôi chú tâm vào thức ăn trước mặt mà nếu nói chuyện thì tôi không thể chú tâm như vậy được. Các Phật tử không những ý thức từng mùi vị vi tế, họ còn quán tưởng về công việc người khác phải làm để đưa được thức ăn đến bàn. Họ tự xét mình có công đức để xứng đáng thọ nhận bữa ăn hay không, và xem tham lam là chất độc của tâm. Họ nghĩ rằng thức ăn chỉ là thuốc để trị bệnh đói. Họ ăn thức ăn để giúp họ tu Đạo ngộ hầu mang lại lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Một ngày nọ khi chúng tôi vừa ăn xong, Hòa Thượng bắt đầu nói chuyện bằng tiếng Quan Thoại (Phổ Thông) và một trong các vị ni dịch sang Anh ngữ. Ngài tuyên bố, “Thân mẫu của Thầy Hằng Thật có mặt với chúng ta hôm nay để cùng mừng sinh nhật của Bà”. Đó là dấu hiệu để cho một vị ni mang bánh ra cho chúng tôi cùng thưởng thức (6). Tôi không ngờ là

Hòa Thượng cũng theo truyền thống Tây Phương. Điều đó xác nhận với tôi rằng ngài sẵn sàng tiếp nhận phong tục Hoa Kỳ.

Những lời trao đổi sau đó đã gây xúc động sâu xa cho tôi. Một trong các vị ni người Hoa Kỳ, một người khách Á Đông và tôi được mời nói về con trai của chúng tôi. Trước khi xuất gia, vị nữ tu người Hoa Kỳ này đã có một người con trai. Bà mẹ từ Mã Lai và tôi đều có con trai xuất gia trở thành Tăng sĩ. Chúng tôi khác nhau về tuổi tác và đến từ những nền văn hóa khác biệt, nhưng chúng tôi lại có chung sợi dây gắn bó của tình mẹ dành cho con mình và chia sẻ cùng một cảm giác mất mát như nhau.

Bà mẹ từ Mã Lai cũng có mối quan tâm giống tôi là lo con mình bị lôi kéo vào những tín điều mà chúng tôi nghĩ có thể nhằm khai thác nhiệt tâm tuổi trẻ của chúng. Tôi không bao giờ hoài nghi sự thành tâm của Thầy Hằng Thật, nhưng trong thời đại của nhiều giáo phái huyền hoặc, người mẹ kia và tôi đã từng hoài nghi về động cơ của Hòa Thượng có phải là vị tha hay không. Thời gian lưu trú tại tu viện đã thuyết phục tôi rằng sự thiếu tin cậy và hoài nghi của tôi về Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới là do chính tôi tự tạo ra, hơn là dựa vào thực tế. Tôi nhận thức được, sau khi biết rõ về Hòa Thượng, là tôi đã phán đoán sai về mục đích của ngài cũng như về sự phán xét của Thầy Hằng Thật. Tôi đồng ý với vị ni cô nói với tôi rằng, “Bây giờ là lúc để bà học hỏi từ con trai của bà.”

Khi Hòa Thượng hỏi tôi có gì muốn nói với đại chúng, đây là cơ hội cho tôi gửi đến các Tăng Ni thông điệp từ các người mẹ của họ. Tôi nói, “Trong khi quý vị nhiệt tâm và hăng hái theo đuổi cách sống mới của quý vị, hãy nhớ rằng cha mẹ của quý vị tại nhà đều muốn được chia sẻ những kinh nghiệm của quý vị, cũng giống như họ đã từng chia sẻ tất cả các giai đoạn khác trong cuộc đời của quý vị.” Tôi hy vọng thông điệp “hãy viết thư cho mẹ” sẽ đi vào tâm khảm họ cũng như vào tai họ.

Sau lời nhắn nhủ trong ngày của Hòa Thượng, bữa ăn chấm dứt và chúng tôi một lần nữa đi

thành hàng một vào Phật Điện để đọc lên những lời cầu nguyện khác. Chúng tôi lạy rạp xuống, tay và trán chạm sàn nhà, nhiều lần. Tôi thấy rằng đây là môn thể dục lý tưởng sau khi ăn một bữa ăn lớn.

Có một nhà truyền giáo Thiên Chúa Giáo hỏi Hòa Thượng Tuyên Hoá hãy cho ông ta biết về ích lợi của sự lễ lạy. Hòa Thượng giải thích, “Lễ lạy cũng giống như hứa trung thành với lá cờ. Lá cờ là ... một miếng vải biểu trưng cho quốc gia. Là một công dân, ông biểu lộ sự tôn kính và hiểu biết về tính cách công dân của mình bằng cách hứa trung thành. Tượng Phật trên bàn thờ rõ ràng không phải là thần hay Thánh. Đó là sự biểu tượng, một hình ảnh nghệ thuật chỉ trở về lại một con người đã chứng đắc được trí tuệ tối cao. Đức Phật đã tu tập tự tánh của mình đến cảnh giới giác ngộ. Hình ảnh này biểu trưng sự nhận thức của ngài về tiềm năng của nhân loại và là niềm hứng khởi đưa đến thiện tánh và từ bi cao nhất. Khi ông cúi lạy, một cách biểu tượng là ông tôn kính tiềm năng giác ngộ đại trí của chính mình. Hơn thế nữa, lễ lạy là một môn thể dục tốt đẹp. Đây không phải là thờ ngẫu tượng một hình thức mê tín và thụ động. Lạy Phật là sự thực hành đạo lý - rất năng động và tích cực.”

Một ngày nọ các vị tăng sắp xếp một buổi lễ phóng sanh, được hoạch định nhằm làm vinh hạnh cuộc thăm viếng của tôi. Các Phật tử tại San Francisco đã mua những con rùa sắp bị làm thịt tại các tiệm ăn trong thành phố và mang đến Chùa trong những thùng gỗ. Những con rùa này được mang vào Phật Điện và đặt trước bàn thờ, chúng cào cấu trong thùng gỗ một cách kinh hoàng. Khi tiếng chuông cho buổi cầu nguyện vang lên và các lời tụng niệm bắt đầu cất lên, các con rùa trở nên yên lặng, dường như chúng được xoa dịu bởi những âm thanh này. Các lời cầu nguyện nhằm chúc lành cho chúng vì người Phật tử tin rằng bằng cách không kết liễu sanh mạng của chúng, những con rùa này có thể tiếp tục vươn lên cao hơn, thay vì phải bắt đầu trở lại một lần nữa trong chu kỳ sanh tử vô tận.

Sau buổi lễ, Quả Ngộ lái xe đưa tôi đến một cái hồ gần đó để thả rùa. Tôi trước đây chưa bao giờ cầm con rùa nào lớn hơn đồng đô-la bằng bạc, còn những con rùa này thì lớn bằng đĩa ăn, nhưng mọi người hiện diện tại đây đều được mong là phải cầm lên một con và mang đến hồ. Tôi chọn một con trông có vẻ hiền lành, nhưng khi tôi cầm giữa mình nó và nhắc lên, mấy cái chân nhỏ của nó cứ ngoay ngoay như bốn máy quay nên tôi phải giữ không cho chân nó bám vào áo hay váy của tôi. Chú rùa này rất nôn nóng muốn được thả xuống nước cũng y như tôi nôn nóng muốn buông nó xuống, do đó tôi đi rất nhanh. Khi tôi thả nó xuống nước, nó biến mất ngay dưới lớp nước bùn, và tôi tưởng buổi lễ như vậy là chấm dứt.

Quả Ngộ nói, “Hãy chờ xem. Chúng sẽ cảm ơn chúng ta.”

Tôi nghĩ là bà ta nói đùa, nhưng ngoài hồ cách chừng năm mươi bộ (chừng 16 thước), những cái đầu nho nhỏ bắt đầu trôi lên. Mấy con rùa quay đầu lại, nhìn chúng tôi, và biến mất lần nữa.

Quả Ngộ nói, “Cứ tiếp tục nhìn xem.”

Trong một hoặc hai phút, phía xa hơn nữa trên mặt hồ, đầu mấy con rùa lại xuất hiện lần nữa, quay và nhìn lui lại. Tôi không thể nào tin được!

Quả Ngộ bảo: “Chúng sẽ cảm ơn chúng ta ba lần”; và quả thật như thế!

Tôi không thể nào giải thích được; tôi chỉ biết là sự việc đã xảy ra, và đó là một việc thiện đem lại sự thuyết phục mà tôi rất thích nhớ đến khi tôi thấy món súp rùa trong thực đơn.

Trong chuyến thăm viếng ba ngày tại tu viện, tôi ngạc nhiên nhận thức rằng tôi không còn thích các áo quần và nữ trang mà tôi thường mặc hoặc đeo nữa. Tôi thường ưa thích màu sắc và kiểu phục sức, nhưng trong khung cảnh tĩnh mặc này, điều đó không còn quan trọng đối với tôi như trước nữa. Lần đầu tiên những y phục màu nâu bình dị của các Phật tử trở nên hợp lý. Trước khi tôi trở về nhà, Hòa

Thượng và tôi đã có buổi nói chuyện qua người thông dịch. Cuộc nói chuyện này cho thấy thêm một khía cạnh nữa của tôn giáo ngài.

Ngài nói với tôi, “Chúa của con là một vị Chúa ganh tỵ khi nói rằng ‘Con không nên có Thượng Đế nào khác ngoài ta. Đức Phật nói rằng con có thể tin Chúa của con và cũng tin Phật nữa. Chúa của con thì giống như cha mẹ, con là con của Chúa. Nếu con làm điều gì sai, Chúa tha thứ cho con. Đức Phật đối với con thì có mối quan hệ như giữa người lớn với người lớn. Nếu con làm gì sai trái, con phải là người chịu trách nhiệm về hành động của mình.’”

Những sự tử tế của các Phật tử đã để lại một ấn tượng sâu đậm còn lưu mãi trong tôi. Cách họ sống theo tôn giáo của họ làm tôi ngưỡng mộ.

Thầy Hằng Thật đã tìm ra cách sống vừa được đóng góp vừa được tưởng thưởng. Năm ngoái Thầy nhận văn bằng Tiến Sĩ Phật Học tại trường Đại Học Tiểu Bang California. Thầy bây giờ là Giám Đốc Tu Viện Phật Giáo Berkeley và giảng dạy tại Học Viện Tôn Giáo Thế Giới. Thầy cũng là một Giám Đốc trong Liên Hiệp Tôn Giáo Thế Giới (7). Ngoài ra, Thầy còn là tác giả của nhiều cuốn sách và bài viết về Phật Giáo đã được xuất bản; và Thầy hiện đang dạy nhiều lớp về Khổng Tử và Đạo Đức Phật Giáo tại Đại Học Thần Học ở Berkeley. Thầy từng diễn giảng tại Hoa Kỳ cũng như các quốc gia Á châu.

Tôi biết Thầy sẽ không bao giờ kết hôn hay cho tôi những đứa cháu nội, đó là điều hơi buồn, nhưng Thầy đang ảnh hưởng đến nhiều trẻ em hơn so với nếu Thầy là một người cha. Điều này làm Thầy hạnh phúc hơn bất cứ người nào mà tôi biết, và tôi có thể thành thật nói rằng tôi hãnh diện về việc con trai tôi là một người Phật tử.

1. Thời gian này Thầy Hằng Thật được gặp bản Kinh Pháp Bảo Đàn và nghiên cứu một cách thích thú.

Sau khi xuất gia Thầy đã phát tâm lạy từng chữ trong Kinh này (lạy từng chữ trong các Kinh Đại thừa là một trong những pháp môn vì diệu được nhiều tăng ni cũng như cư sĩ hành trì từ xưa. Tại Vạn Phật Thánh Thành, bên cạnh các pháp môn khác, pháp môn lạy Kinh cũng được hành trì, nhiều tăng ni và cư sĩ đã phát tâm lạy từng chữ trong các bộ Kinh Đại Thừa như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang ...).

2. Cuộc Hành Trình Ba Bước Một Lạy - Tam Bộ Nhất Bái - của Thầy Hằng Thật và Thầy Hằng Triều từ Los Angeles đến Vạn Phật Thánh Thành, kéo dài trong hai năm và chín tháng - Xin xem News From True Cultivators (Bản Việt dịch: Thư Chân Hành Giả), With One Heart, Bowing to the City of 10,000 Buddhas. Sau đó hai Thầy lại tiếp tục hạnh nguyện Ba Bước Một Lạy quanh khuôn viên Vạn Phật Thánh Thành thêm sáu tháng nữa.

3. Thầy Hằng Thật giữ hạnh tịnh khẩu trong sáu năm, trong suốt thời gian này Thầy chỉ giảng kinh, tuyệt đối không nói chuyện, và không thư từ với gia đình.

4. Nhiều bản dịch đã được xuất bản <http://www.bttsonline.org>

5. Bà Phương Quả Ngộ được Hòa Thượng đánh điện bảo phải thu xếp rời khỏi nước Việt Nam vào tháng 1 năm 1975 (Bài Khai Thị “Biện Pháp Chấm Dứt Chiến Tranh Hay Nhất,” BDH số 62).

6. Vì trong thời gian này (trong 10 năm) Thầy Hằng Thật và Thầy Hằng Triều chỉ dùng thức ăn lược rất thanh đạm, không nêm đồ gia vị - không dầu, không đường, không muối ... nên các cư sĩ tại Vạn Phật Thánh Thành đã dùng khoai lang và bí đỏ để làm bánh sinh nhật không cần đường.

7. Liên Hiệp Tôn Giáo Thế Giới (United Religions Initiative gọi tắt URI): <http://www.uri.org> tạo điều kiện để các tôn giáo tìm hiểu lẫn nhau, nhằm tạo sự cảm thông và chấm dứt những xung đột ngầm ngầm giữa các tôn giáo, đồng thời đem lại hòa bình, công lý và an lạc cho tất cả chúng sanh. Nhiều buổi gặp gỡ giữa các tôn giáo đã được tổ chức tại Chùa Berkeley và Vạn Phật Thánh Thành.

Hư Vân Hòa Thượng Họa Truyện

#39. Kim Sơn Giang Thiên Thiên Tự

Giang Thiên Thiên Tự, quen được gọi là Chùa Kim Sơn, chính là môn đình của Thiên Tông, là nơi tụ hội của hàng long tượng, minh nhãn cao tăng, đời đời không thiếu người ưu tú.



Ngôi chùa này, vào đời Đường, do Hòa Thượng Pháp Hải dựng tích trưng trụ trì. Đời Tống, có Thiên Sư Phật Ấn cùng Tô Đông Pha tại đây luận nghĩa; họ Tô thua cuộc, phải để lại thất lừng bằng ngọc (ngọc đá), hiện vẫn còn được lưu giữ tại chùa.

Năm bốn mươi mốt tuổi (1880), Ngài Hư Vân đến Giang Thiên Thiên Tự để được thân cận học hỏi với Hòa Thượng Quán Tâm cùng các Thượng Tọa Tân Lâm và Đại Định.

Kệ tán của Hòa Thượng Tuyên Hóa:

*Kim Sơn chung linh ẩn cao tăng,
Thiên Tông bổng hát lập gia phong,
Niệm Phật thị thùy? Thùy thị niệm?
Hắc khí đồng phá xuất phàn lung.*

Nghĩa là:

Kim Sơn khí thiêng cao tăng ẩn,
Gậy, hét—Thiên Tông lập gia phong,
Niệm Phật là ai? Ai đương niệm?
Phá thùng hắc khí, thoát khỏi lồng.

Dharma Realm Buddhist Association
800 Sacramento St.
San Francisco, CA 94108, U. S. A.
Tel. (415) 421-6117 Fax. (415) 788-6001
bodehai@yahoo.com
www.drba.org

Non-Profit Org.
U. S. Postage
PAID
Permit No. 34
Sunnyvale, CA

To : _____

* Bò Đề Hải phát hành mỗi 3 tháng. Mọi thư từ, góp ý hay thỉnh báo xin thư về Dharma Realm Buddhist Association. Chi phiếu hỗ trợ công đức ấn hành, xin đề: DRBA/Vietnamese Account.